

Số: /BC-UBND

Đức Cơ, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; tình hình phân bổ,
giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Triển khai Văn bản số 246/VP-KTTH ngày 07/02/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2022: Theo quyết định giao kế hoạch vốn (nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện): 127,037 tỷ đồng (trong đó vốn kéo dài năm 2021 sang năm 2022 dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư Đường liên xã Ia Krêl – Ia Kla, huyện Đức Cơ số tiền 2,881 tỷ đồng), thi công 23 dự án (trong đó chuyển tiếp từ năm 2021 sang 05 dự án), 01 Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương; 02 Chương trình mục tiêu quốc gia; 02 dự án chuẩn bị đầu tư. Đến nay đã hoàn thành 21 dự án, giải ngân 109,026 tỷ đồng, đạt 85,82% kế hoạch (Nếu tách 02 Chương trình MTQG: giải ngân đạt 97,9% kế hoạch). Chuyển tiếp sang năm 2023: 02 dự án (Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Đok; Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường) và 05 dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc và Miền núi.

- Tiến độ triển khai 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: Đến nay đã giải ngân 31,272 tỷ đồng/45,93 tỷ đồng đạt 68,09%. Các dự án chưa triển khai thi công (*Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang đang thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Sở Xây dựng; dự án: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp*).

(Chi tiết có biểu kèm theo).

2. Tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

Tổng nguồn vốn đầu tư 171,326 tỷ đồng, thi công 31 công trình; và 3 chương trình (Nông thôn mới; PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương).

Đã hoàn thành giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 tại Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện và Quyết định phân bổ vốn năm 2023 tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND huyện. Đến nay, các công trình đã hoàn chỉ hồ sơ và đang tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

UBND huyện Đức Cơ, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện, VP;
- Phòng Tài chính – KH;
- Lưu VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Đến ngày 31/01/2023)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 02 năm 2023 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
	Tổng cộng					464.452,56	127.037,02	109.112,13	109.025,81	85,82	
I	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					194.943,00	68.249,40	66.180,49	66.160,47	96,94	
A	Vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư					94.000,00	5.360,00	5.000,00	5.000,00	93,28	
1	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dok	huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022	Chiều dài L= 4,3 km với L1 = 0,93 km; Bn= 11,7,0 m, Bm=10,5m và L2+L3+L4= 3,37 km; Bn= 9,50 m, Bm=6,0m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	59.000,00	5.000,00	5.000,00	5.000,00	100,00	Đang thi công
2	Nâng cấp, mở rộng đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Thị trấn Chư Ty		Chiều dài L= 1,95 km với Bn= 17,2,0 m, Bm=10,5m; vỉa hè 3,5x2 = 7m	361/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000,00	360,00	360,00		0,00	Vốn chuẩn bị đầu tư
B	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương					10.593,00	4.212,00	4.212,00	4.212,00	100,00	
C	Vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư					43.100,00	21.354,00	20.536,77	20.536,77	96,17	
1	Duy tu, bảo dưỡng Đường Anh Hùng Núp	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2892/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.310,00	2.140,00	2.076,76	2.076,76	97,04	Xong
2	Trường Tiểu học Ngô Mỹ	Xã Ia Kla	Năm 2022	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn; 01 phòng thư viện, nhà hiệu bộ; thiết bị	42/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2962/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.300,00	5.840,00	5.553,77	5.553,77	95,10	Xong
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m² và các hạng mục phụ	48/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2961/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	840,00	800,00	771,92	771,92	96,49	xong

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân/kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
4	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Kla	Năm 2022	Nhà học 03 phòng học lý thuyết, thiết bị, sân bê tông	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3190, ngày 17/12/2021; 917, ngày 29/3/2022	1.650,00	1.600,00	1.534,99	1.534,99	95,94	xong
5	Trường Mầm non Hải Âu	Xã Ia Krêl	Năm 2022	01 phòng Mầm non: DTXD 70m ² , sân bê tông, thiết bị	52/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3019/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	520,00	500,00	473,42	473,42	94,68	xong
6	Trụ sở UBND xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp III, 01 tầng, DTXD 150 m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	60/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.570,00	1.500,00	1.411,91	1.411,91	94,13	xong
7	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài tuyến L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,00	6.286,00	6.286,00	6.286,00	100,00	xong
8	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Sân, đường nội bộ, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,00	2.428,00	2.428,00	2.428,00	100,00	xong
9	Chuẩn bị đầu tư						260,00	0,00		0,00	
D	Nguồn vốn tiền sử dụng đất, tăng thu tiền sử dụng đất					47.250,00	37.323,40	36.431,73	36.411,70	97,56	
1	Điều tiết 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	10.500,00	3.700,00	3.182,00	3.182,00	86,00	
2	Tiền sử dụng đất để lại cho địa phương đầu tư (huyện, xã)					36.750,00	33.623,40	33.249,73	33.229,70	98,83	
2.1	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					27.390,00	24.263,40	24.098,73	24.079,16	99,24	
	Tiền sử dụng đất còn lại sau khi trích nộp 10% về tỉnh						21.600,00				
	Tiền sử dụng đất 20% do cấp xã trích nộp về huyện						2.340,00				
2.1.1	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện	Huyện Đức Cơ									
2.1.2	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư					27.390,00	24.263,40	24.098,73	24.079,16	99,24	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân/kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
a	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022	Huyện Đức Cơ	1730/QĐ-UBND ngày 28/10/2020; 1999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	2.090,00	440,00	400,00	361,13	82,08	Công trình chuyển tiếp
b	Đường Quy hoạch Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021-2022	Chiều dài L=1,125km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² ; đan rãnh bó vỉa, vỉa hè và hệ thống thoát nước	1782/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 756/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	7.500,00	5.370,00	5.359,80	5.359,80	99,81	xong
c	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,00	1.200,00	1.167,00	1.166,58	97,22	xong
d	Thống kê đất đai hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,00	223,00	222,07	222,07	99,58	xong
e	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,00	3.733,00	3.733,00	3.733,00	100,00	xong
f	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kèm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,00	2.000,00	2.000,00	2.000,00	100,00	xong
b	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021		5.374,00	5.374,00	5.374,00	100,00	lồng ghép vốn
h	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2022		280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	3.000,00	3.000,00	3.000,00	2.990,39	99,68	xong
i	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cấp huyện	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ	894/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	500,00	500,00	456,04	474,28	94,86	xong

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân/kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
k	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ	79/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 103/NQ-HĐND ngày 24/12/2021; 150/QĐ-UBND ngày 17/01/20212	500,00	500,00	463,41	484,52	96,90	xong
l	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cấm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		2.830,00	1.923,40	1.923,40	1.913,38	99,48	
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu sản xuất, Thương mại - Dịch vụ, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Hạng mục: Cấm mốc giới theo đồ án quy hoạch</i>	<i>Huyện Đức Cơ</i>	<i>Năm 2021</i>	<i>Cấm 63 mốc bê tông và 01 bảng pano công khai quy hoạch có diện tích xây 12m2/ 01 bảng</i>	<i>2256/QĐ-UBND ngày 20/9/2021</i>	<i>162,90</i>	<i>12,80</i>	<i>12,80</i>	<i>12,80</i>	<i>100,00</i>	<i>xong</i>
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Tổ dân phố 7 (phía Tây Công an huyện) thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ; Hạng mục: Cấm mốc giới theo đồ án quy hoạch</i>	<i>Thị trấn Chư Ty</i>	<i>Năm 2021</i>	<i>Cấm 60 mốc bê tông và 01 bảng pano diện tích 12m2/ 01 bảng</i>	<i>2255/QĐ-UBND ngày 20/9/2021</i>	<i>155,96</i>	<i>155,00</i>	<i>155,00</i>	<i>155,00</i>	<i>100,00</i>	<i>xong</i>
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 7 (phía Đông Công an huyện, đường vào xã Ia Pnôn).</i>	<i>Thị trấn Chư Ty</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>12,41 ha</i>	<i>1043/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 1390/QĐ-UBND ngày 30/5/2022</i>	<i>767,10</i>	<i>698,00</i>	<i>698,00</i>	<i>692,89</i>	<i>99,27</i>	<i>xong</i>
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 6 (đối diện Ngân hàng ViettinBank)</i>	<i>Thị trấn Chư Ty</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>12,21 ha</i>	<i>1042/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 1391/QĐ-UBND ngày 30/5/2022</i>	<i>763,80</i>	<i>127,00</i>	<i>127,00</i>	<i>126,30</i>	<i>99,45</i>	<i>xong</i>
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 6 (giáp Trường PTDT Nội Trú)</i>	<i>Thị trấn Chư Ty</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>8,7 ha</i>	<i>1041/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 1392/QĐ-UBND ngày 30/5/2022</i>	<i>656,84</i>	<i>607,20</i>	<i>607,20</i>	<i>603,29</i>	<i>99,36</i>	<i>xong</i>
	8006545 - Cấm mốc theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 6 (Giáp trường phố thông dân tộc nội trú), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023			323,40	323,40	323,40	323,10	99,91	xong
2.2	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư					9.360,00	9.360,00	9.151,00	9.150,54	97,76	
II	Nguồn kết dư ngân sách					0,00	1.121,19	1.121,19	1.121,19	100,00	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021		1.121,19	1.121,19	1.121,19	100,00	lồng ghép vốn
III	Ngân sách Trung ương					261.339,56	54.785,02	39.054,44	38.988,14	71,17	
A	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu NSTW (Quyết định số 893 ngày 18/12/2021)					180.000,00	8.854,00	7.782,44	7.715,95	87,15	
1	Đường liên xã IaKrêl - IaKla, huyện Đức Cơ	xã IaKrêl, IaKla, Chư Ty	2018-2022	Đường cấp IV, L=10,04km, Bn=7,5m, Bm=5,5m, cầu L=21m; hệ thống mương, cống thoát nước	850/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	80.000,00	7.204,00	6.132,44	6.132,44	85,13	
2	Đường liên xã huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	2023-2025		400/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1182/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	100.000,00	1.650,00	1.650,00	1.583,50	95,97	Vốn chuẩn bị đầu tư
B	Chương trình Mục tiêu quốc gia					81.339,56	45.931,02	31.272,00	31.272,20	68,09	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					17.875,56	17.062,02	15.274,00	15.274,42	89,52	
	<i>Trong đó: Ngân sách trung ương</i>					<i>17.875,56</i>	<i>17.062,02</i>	<i>15.274,00</i>	<i>15.274,42</i>	89,52	
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					63.464,00	28.869,00	15.998,00	15.997,78	55,42	
	<i>Trong đó: - Ngân sách trung ương</i>						<i>23.828,00</i>		<i>15.997,78</i>	67,14	
	<i>- Ngân sách địa phương</i>						<i>5.041,00</i>		<i>0,00</i>	0,00	
2.1	<i>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</i>					<i>4.004,00</i>	<i>4.004,00</i>	<i>1.324,00</i>	<i>1.324,00</i>	33,07	
2.2	<i>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</i>					<i>31.087,00</i>	<i>9.130,00</i>		<i>0,00</i>	0,00	
2.3	<i>Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN</i>					<i>26.769,00</i>	<i>15.171,00</i>	<i>14.674,00</i>	<i>14.673,78</i>	96,72	
2.4	<i>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</i>					<i>564,00</i>	<i>564,00</i>		<i>0,00</i>	0,00	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện đến 31/01/2023		Tỷ lệ giải ngân kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định, ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Giá trị KLHT	Giải ngân		
IV	Vốn kéo dài từ năm 2021 sang năm 2022					8.170,00	2.881,42	2.756,00	2.756,00	95,65	
	<i>Nguồn tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển sang (Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 15/4/2022; 761/TB-UBND ngày 19/4/2022)</i>					8.170,00	2.881,42	2.756,00	2.756,00	95,65	
	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án đường liên xã Ia Krêl – Ia Kla, huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2021		3205/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	8.170,00	2.881,42	2.756,00	2.756,00	95,65	Xong